

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH QP Authentic Fresh Fine Fast Food Việt Nam ngày 01 tháng 3 năm 2023 (có hồ sơ kèm theo);

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 34/TTr-TNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: “Xây dựng và vận hành Dây chuyền mẫu sản xuất chế biến thực phẩm ứng dụng công nghệ cao của Công ty TNHH QP Authentic Fresh Fine Fast Food Việt Nam”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH QP Authentic Fresh Fine Fast Food Việt Nam (địa chỉ: 121 phố 8/3, C23, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng và vận hành Dây chuyền mẫu sản xuất chế biến thực phẩm ứng dụng công nghệ cao, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng và vận hành Dây chuyền mẫu sản xuất chế biến thực phẩm ứng dụng công nghệ cao.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C1A, Khu công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
- 1.3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án:
- Quyết định số 36/QĐ-BQLKKT ngày 21/02/2023 của Ban Quản lý Khu

kinh tế tỉnh Kon Tum quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, cấp lần đầu ngày 02/11/2022, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 21/02/2023.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0109747960; Đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 06 tháng 05 năm 2022; do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.5. Mã số thuế: 0109747960.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thực phẩm chất lượng cao, sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 11.591 m².

- Công suất thiết kế dự án: 650.000 suất ăn/năm. Trong đó:

+ Giai đoạn I: 500.000 suất ăn/năm.

+ Giai đoạn II: 150.000 suất ăn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH QP Authentic Fresh Fine Fast Food Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH QP Authentic Fresh Fine Fast Food Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý

chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Công ty TNHH QP Authentic Fresh Fine Fast Food Việt Nam;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND Phường Nguyễn Trãi;
- UBND Phường Lê Lợi;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nguồn nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nguồn nước thải sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải chung của Khu Công nghiệp Hòa Bình (vị trí thoát nước thải thuộc địa giới hành chính của phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

- Toạ độ vị trí xả nước thải (hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X = 1.584.581; Y = 552.066.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8,39 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Hệ thống dẫn nước thải sau xử lý: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Nhà máy được dẫn qua hố thu lắng và đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hoà Bình bằng đường ống PVC D160, dài khoảng 25m.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Căn cứ yêu cầu về chất lượng nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình do Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh cung cấp, các thông số của nước thải khi xả vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Hòa Bình không được vượt quá giới hạn cho phép theo bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	4.5 đến 9.5	6 tháng/lần
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	500	
3	COD	mg/l	700	
4	Chất rắn lơ lửng SS	mg/l	600	

5	NO ₃ ⁻	mg/l	40
6	Coliform	MNP/100ml	24x10 ⁴
7	Dầu mỡ động, thực vật*	mg/l	10

(*) Đối với thông số Dầu mỡ động, thực vật: Do yêu cầu về chất lượng nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình do Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh cung cấp không quy định, do đó Chủ dự án sẽ xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D114 với tổng chiều dài 45 mét từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại đặt ngầm trong khu vực nhà máy. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn qua hố thu lắng và theo đường ống PVC D160 dài khoảng 76 m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình làm sạch, sơ chế thực phẩm: Nước thải được thu về ống PVC D114 tự chảy ra hố ga thu lắng sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy bằng đường ống PVC D160 dài khoảng 76m để tiếp tục xử lý.

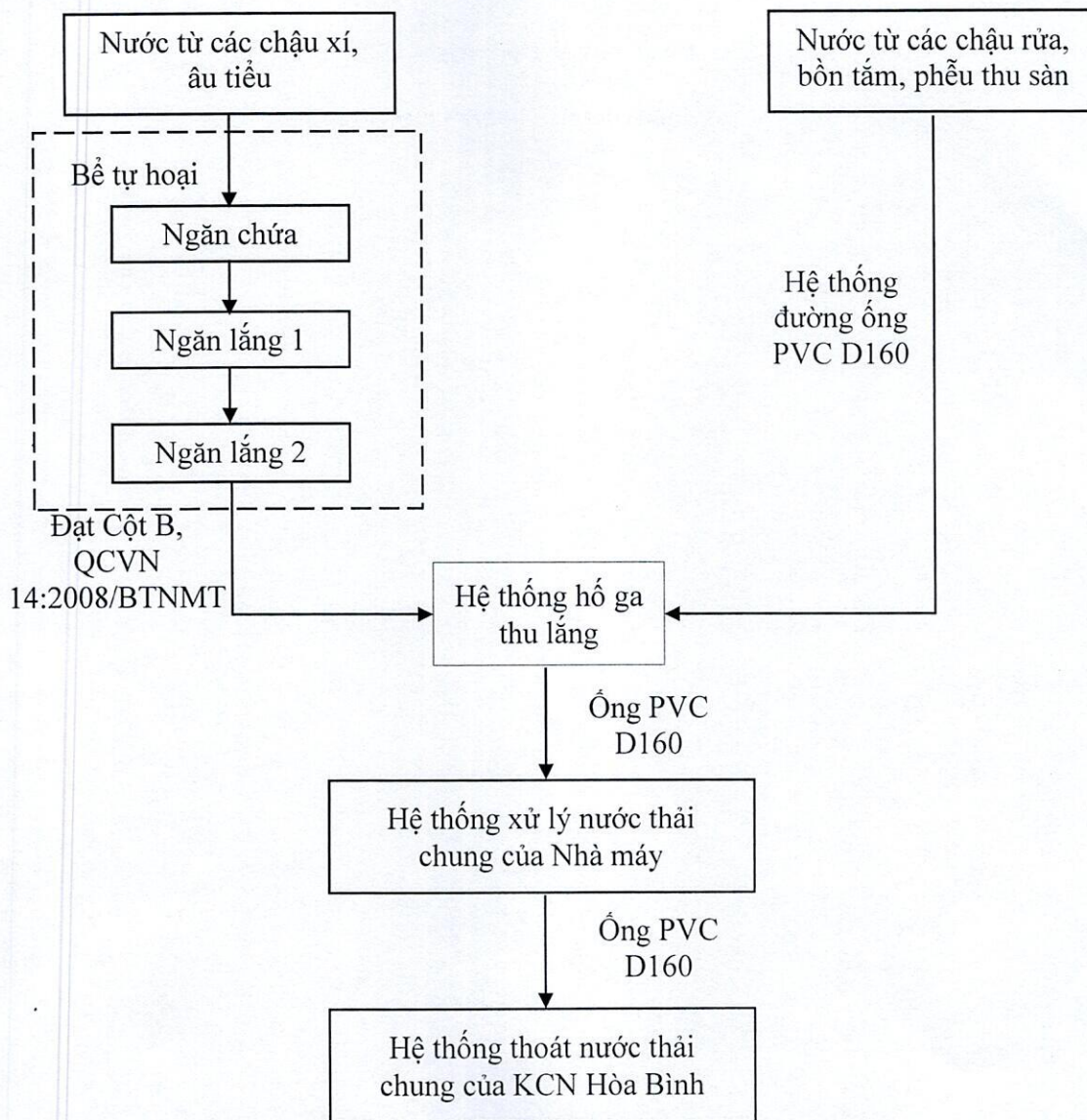
+ Nước từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng: Nước thải từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng được thu gom bằng đường ống PVC D114 qua các hố thu lắng và theo đường ống PVC D160 dài khoảng 76m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa sàn nhà để rác: Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa sàn nhà để rác được thu về ống PVC D75 tự chảy ra hố ga thu lắng sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy bằng đường ống PVC D160 dài khoảng 132m để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

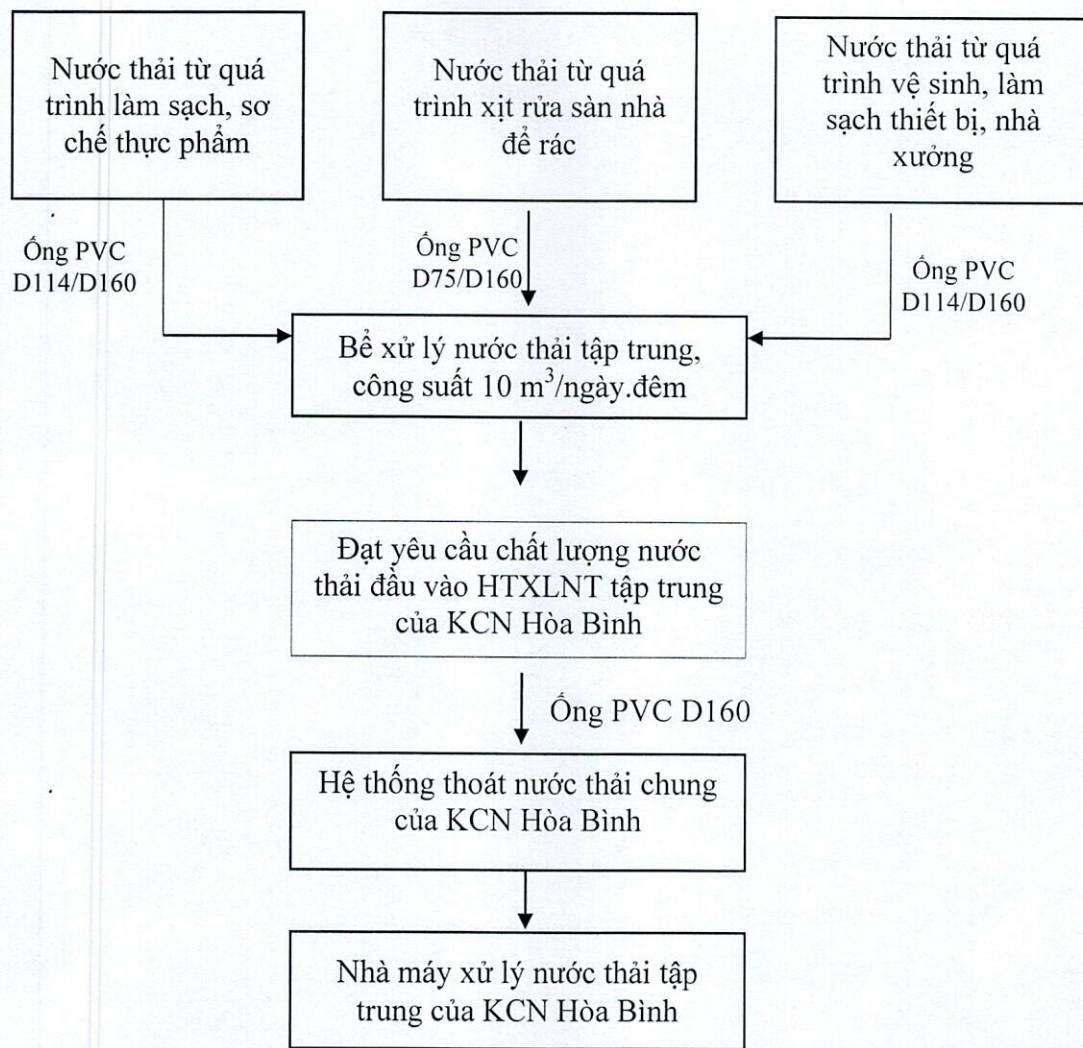
1.2.1. Nước thải sinh hoạt:





- Tóm tắt quy trình công nghệ: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm bên trong khu vực nhà máy có dung tích thiết kế là 6 m^3 , đảm bảo khả năng xử lý đối với số lượng công nhân tại nhà máy. Nước thải sau xử lý được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý sơ bộ, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải chung của KCN để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

1.2.2. Nước thải sản xuất:



- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ quá trình làm sạch, sơ chế thực phẩm, nước thải từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng, nước thải rửa sàn tại khu tập kết rác được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý sơ bộ, sau đó được đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý trước khi thải ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Bảng 1: Sự cố phát sinh và biện pháp giảm thiểu, ứng phó trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Máy bơm nước thải	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị quay ngược chiều	Kiểm tra khắc phục
	Bơm nước làm việc nhưng không lên nước	Van đang mở bị nghẹt hoặc hư	Kiểm tra, phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng thì thay
		Đường ống bị tắc	Kiểm tra khắc phục

		nghe	
		Buồng bơm không có nước	Môi nước
	Lưu lượng bơm giảm	Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống, lupbe	Kiểm tra khắc phục
		Nguồn điện cung cấp không đúng	Kiểm tra khắc phục
Máy bơm định lượng	Máy phát ra tiếng kêu lớn	Khô dầu	Tra dầu máy
	Máy làm việc bình thường như lưu lượng bơm giảm	Màng bơm bị bẩn	Vệ sinh màng bơm

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu: Ngày 01/4/2023 đến ngày 01/7/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Nhà máy.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, NO₃⁻, Coliform, Dầu mỡ động thực vật.

- Quy chuẩn so sánh: Yêu cầu về chất lượng nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình do Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh cung cấp. Riêng thông số Dầu mỡ động thực vật so sánh QCVN 14:2008/BTNMT – Cột A.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của công trình, thiết bị xử lý nước thải: 03 đợt:

+ Đợt 1: Ngày 01 tháng 4 năm 2023.

+ Đợt 2: Ngày 16 tháng 4 năm 2023.

+ Đợt 3: Ngày 01 tháng 5 năm 2023.

- Trong giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp từ ngày 08 tháng 5 năm 2023 đến ngày 10 tháng 5 năm 2023.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí nơi xả khí thải: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng của dự án, (thuộc địa giới hành chính của phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

- Toạ độ vị trí xả khí thải (hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X = 1.584.538; Y = 552.198.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $5.544 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \approx 231 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (Khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện đạt QCVN 19:2009/BTNMT,
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$).

Bảng 2. Bảng giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	SO ₂	mg/Nm ³	400	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục.
2	CO	mg/Nm ³	800	
3	NO _x	mg/Nm ³	680	
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Xả ra môi trường qua ống thải của máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Khí thải đi qua bộ lọc khí đi kèm với máy trước khi thoát ra ngoài môi trường xung quanh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy phát điện dự phòng để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Công ty TNHH QP Authentic Fresh Fine Fast Food chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm tại nhà máy.

- Tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất. Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27:2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt máy móc thiết bị mới có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, định kỳ 3 tháng bôi trơn dầu máy.

- Yêu cầu các xe không vận hành tắt máy, bố trí riêng các khu vực tập trung xe tải, xe máy.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn lớn (nút bịt tai, mũ bảo hộ có chức năng chống ồn...).

- Bố trí thời gian sản xuất, chế độ ca kíp hợp lý để tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

- Trồng cây xanh quanh các tạo dải phân cách, hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

- Hạn chế bóp còi xe trong khu vực bãi đậu xe.

- Tuân thủ: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 1. Dự báo thành phần và khối lượng các loại CTNH của nhà máy

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/tháng)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải có bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	2,5
2	Pin/ắc quy chì thải	Rắn	1,5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1,2
4	Các thiết bị, linh kiện điện, điện tử thải	Rắn	0,7
5	Bao bì mềm thải	Rắn	2
Tổng			7,9

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bảng 2. Dự báo thành phần và khối lượng các loại CTR sản xuất

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Rác hữu cơ khi sơ chế thực phẩm	kg/ngày	50
2	Bao bì phụ gia	kg/ngày	2
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	kg/tháng	1050
Tổng		kg/ngày	87

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 20 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng phi nhựa 120 lít, có nắp đậy tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 9 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền bê tông cao và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng nhựa 120 lít, có nắp đậy, đặt tại khu tập kết chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12,3 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực tập trung chất thải rắn thông thường: Được bố trí bên ngoài kho chứa chất thải nguy hại, mái lợp tôn, nền bê tông.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Lượng bùn này sẽ được thu gom định kỳ 1 tháng 1 lần, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng nhựa 120 lít, có nắp đậy, đặt tại khu tập kết chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12,3 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực tập trung chất thải rắn thông thường: Được bố trí bên ngoài kho chứa chất thải nguy hại, mái lợp tôn, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.

- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.

